



**Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc**

## HEXALEN

(Kali iodid 0,3%, natri iodid 0,3%)

*Để xa tầm tay trẻ em*

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng*



### **Thành phần**

Mỗi 1 ml dung dịch chứa:

Thành phần hoạt chất:

Natri iodid.....0,3%

Kali iodid.....0,3%

Thành phần tá dược: Alpha tocopheryl acetat, hydroxypropyl methyl cellulose, sorbitol, hydrochloric acid, chlorhexidin acetat, nước tinh khiết.

**Dạng bào chế:** Dung dịch nhỏ mắt

Mô tả: Dung dịch trong không màu đến hơi vàng

pH: 5-9

### **Chỉ định**

+ Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:

Xuất huyết pha lê thể do bất kì nguyên nhân gì (tuổi tác, tăng huyết áp, cận thị, tiểu đường, viêm quanh tĩnh mạch).

Vấn đục pha lê thể

Đục thủy tinh thể

### **Liều dùng và cách dùng**

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Nhỏ mắt 1-3 lần/ngày, mỗi lần 1 giọt

Thuốc này không nên dùng cho trẻ em dưới 12 tuổi.

### **Chống chỉ định**

Quá mẫn với bất kì thành phần nào của thuốc. Rối loạn chức năng tuyến giáp hay bướu nhân giáp trạng.

### **Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**

Không nhỏ thuốc khi đeo kính áp tròng. Chỉ nên đeo kính áp tròng sau 30 phút nhỏ thuốc.

Để giảm thiểu hấp thu toàn thân, bệnh nhân nên ấn nhẹ vùng túi lệ từ 1 - 2 phút sau khi nhỏ thuốc.

### **Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**

Chưa có dữ liệu cụ thể về tính an toàn của thuốc khi sử dụng thuốc nhỏ mắt Hexalen cho phụ nữ có thai và cho con bú, do đó cần thận trọng khi sử dụng Hexalen cho đối tượng này.

### **Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc**

Sau khi dùng thuốc có thể xảy ra hiện tượng giảm thị lực tạm thời, do đó bệnh nhân chỉ nên lái xe và vận hành máy móc khi thị lực trở lại bình thường.

### **Tương tác, tương kỵ của thuốc**

Không có tương tác tương kỵ nào của thuốc khi dùng nhỏ mắt

### **Tác dụng không mong muốn của thuốc**



*[Signature]*

Tác dụng không mong muốn có thể xảy ra sau khi dùng Hexalen và được phân loại theo tần số như sau: Rất thường gặp ( $ADR \geq 1/10$ ), thường gặp ( $1/100 \leq ADR < 1/10$ ), ít gặp ( $1/1000 \leq ADR < 1/100$ ), hiếm gặp ( $1/10000 \leq ADR < 1/1000$ ) và rất hiếm gặp ( $ADR < 1/10000$ ).

*Ít gặp ( $1/1000 \leq ADR < 1/100$ ):*

Mắt: Tăng tiết nước mắt

Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng: Cường giáp và nổi mụn kiều trứng cá ở những bệnh nhân có yếu tố thuận lợi.

*Xử trí ADR:*

Ngưng sử dụng thuốc khi gặp phải các tác dụng không mong muốn. Nếu các tác dụng này không thuyên giảm, tham khảo ý kiến bác sĩ.

***Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc***

**Quá liều và cách xử trí**

Chưa có dữ liệu cụ thể.

**Đặc tính dược lực học**

Nhóm dược lý: Chưa rõ

Mã ATC: S01XA04

Iodid dùng toàn thân hay tại chỗ đều làm tăng chuyển hóa trong pha lê thể và có thể làm trong pha lê thể bị vẩn đục.

Hiệu quả của iodid đối với đục thủy tinh thể lão suy giai đoạn sớm chưa được xác định. Tuy nhiên, iodid có khả năng làm chậm tiến triển đục thủy tinh thể và ổn định thị lực.

**Đặc tính dược động học**

Tại chỗ

Kali iodid khuếch tán nhanh vào pha lê thể (thử nghiệm trên mắt thỏ). Trong vòng 60 phút sau khi nhỏ, nồng độ kali iodid trong thủy dịch là 0,25 mmol/ml. 6,4% lượng iodid được tìm thấy trong thủy tinh thể và 3,7% trong pha lê thể.

Toàn thân

Hấp thu toàn thân sau khi nhỏ mắt chưa được nghiên cứu.

**Quy cách đóng gói:**

Ống 10 ml; Hộp 1 ống.

**Bảo quản:** Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ từ 2 - 8°C.

**Hạn dùng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. 15 ngày sau khi mở nắp.

**Tiêu chuẩn chất lượng:** Tiêu chuẩn cơ sở

Nhà sản xuất



**Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội**

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

